

Số: 455 /BVNĐĐN-HCQT

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Nhi Đồng Đồng Nai có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo giá gói thầu làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hệ thống thiết bị tủ bù trạm 500kVA và hệ thống chống sét lan truyền và hệ thống tiếp địa cho tủ điện trạm 500kVA, 1000kVA của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai năm 2026 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai – Quốc lộ 1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Ông : Nguyễn Văn Thành

- Chức vụ: Phụ trách Phòng Quản lý chất lượng

- Số điện thoại : 0765112543

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp hoặc bưu điện.

Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Quản lý chất lượng - Bệnh Viện Nhi Đồng Đồng Nai – QL1A, phường Tam Hiệp, thành phố Đồng Nai.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá

- Từ 13 giờ 00 ngày 31 tháng 07 năm 2026 đến trước 13h00 ngày 11 tháng 08 năm 2026.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 11 tháng 08 năm 2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục đính kèm

- Ghi chú: Nhà thầu cung cấp bản chính hoặc bản scanner từ bản sao công chứng giấy phép kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật .
- Báo giá thể hiện cụ thể : Mức % thuế VAT và số tiền tương ứng, thời gian dự kiến thực hiện, thời gian bảo hành dịch vụ.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Lưu VT, P.HCQT.



GIÁM ĐỐC

Lê Anh Phong

DANH MỤC VẬT TƯ THIẾT BỊ

(Đính kèm báo giá số :455/BVNĐĐN-HCQT ngày 31/ 7/2026 của Phòng Hành Chánh Quản Trị)

STT	Diễn giải	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
A.	Trang bị tủ tụ bù cho trạm điện 500kVA và thiết bị cắt sét đầu nguồn			
I	Thiết bị cắt sét 3 pha cho 2 trạm điện (trạm điện 500kVA và trạm điện 1000kVA)			
1	Thiết bị cắt sét bảo vệ L-N, điện áp 220-277VAC. chịu cường độ dòng sét 100kA (8/20us) & 12,5kA (10/350us), có cơ chế bảo thiết bị hoạt động. - Sử dụng công nghệ TD có khả năng phân biệt quá áp do sét hay do điện lưới tần số công nghiệp 50/60Hz. - Thời gian đáp ứng $\leq 5\text{ns}$ - Chứng nhận: UL® 1449 Edition 4 Type 4CA, 20 kA Mode - Đáp ứng tiêu chuẩn: ANSI®/IEEE® C62.41.2-2002 Cat A, Cat B, Cat C; ANSI®/IEEE® C62.41.2-2002 Scenario II, Exposure 3, 100 kA 8/20 μs, 10 kA 10/350 μs; IEC® 61643-1 Class I, Class II	Cái	6	
2	Thiết bị cắt sét bảo vệ N-PE, điện áp làm việc liên tục lớn nhất 305 VAC chịu cường độ dòng sét 150kA (8/20us) & 100kA (10/350us), có cơ chế bảo thiết bị hoạt động. - Thời gian đáp ứng $\leq 100\text{ns}$ - Đáp ứng tiêu chuẩn: IEC® 61643-11 Class I, Class II; EN 61643-11 Type 1, Type 2	Cái	2	

II	Tủ tụ bù cho trạm 240KVAR cho trạm 500kVA, bao gồm:	Tủ	1	
1	Vỏ tủ sơn tĩnh điện, ngoài trời có mái che, Hệ thống thanh cái (xi mạ, bọc co nhiệt), $3P + N=50\% P + E=25\% P$. Nhân công và phụ kiện lắp ráp.	Hệ	1	
2	<u>Ngõ Vào:</u>			
	MCCB-3P-500A,45KA	Cái	1	
	MCT-800/5A, 15VA, Class 1	Cái	1	
	Đèn báo AC220V - RED	Cái	1	
	Đèn báo AC220V - YELLOW	Cái	1	
	Đèn báo AC220V - BLUE	Cái	1	
	Cầu chì điều khiển, có đèn báo	Cái	4	
3	<u>Ngõ ra:</u>			
	Capacitor 240kVAR (12x20kVAR)		1	
	MCCB-3P-40A,22KA	Cái	12	
	Contactor 3P-32A,2NO+2NC	Cái	12	
	Tụ bù 3P-20KVAR-440V- 50HZ	Cái	12	
	Bộ điều khiển tự động cho tụ bù 14 bước	Cái	1	
	Quạt hút + Cảm biến nhiệt độ	Bộ	1	
III	Hệ thống tiếp đất và cáp điện đấu nối			
1	Cọc tiếp đất Vật liệu: Thép carbon mạ đồng - Công nghệ mạ đồng: + Công nghệ mạ đồng điện phân. + Độ tinh khiết của đồng mạ: $\geq 99,9\%$.	Cọc	3	

	+ Lớp đồng mạ được liên kết phân tử với lõi thép có lớp nikel bao bọc. - Lớp đồng mạ không bị rạn nứt khi bẻ cong cọc - Chiều dài: $\geq 2,4$ m - Chiều dày lớp đồng mạ: $\geq 0,254$ mm (0,01 inch) - Đường kính thực của thân cọc: $\geq 14,2$ mm - Ứng lực: ≥ 552 MPa - Trọng lượng: $\geq 3,07$ kg/cọc - Có chứng nhận UL467			
2	Thuốc hàn hóa nhiệt CADWELD 115g - Thành phần chính: Oxit đồng và nhôm - Khả năng chịu nhiệt: ≥ 1082 OC - Kiểm nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn IEEE Std.837 - Không gây nổ - Chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn UL467	Lọ	6	
3	Hoá chất giảm điện trở đất (11.34kg/bao) - Hình dạng, màu sắc: Dạng bột, xám - Công nghệ: Cacbon - Không bị rửa trôi, bị phân hủy trong môi trường tự nhiên - Hàm lượng lưu huỳnh theo ISO14869-1: $<2\%$ - Thành phần hóa học rò rỉ ra: Arsenic $< 1,5$ mg/L, Barium < 60 mg/L, Cadmium $< 0,15$ mg/L, Chromium $< 3,0$ mg/L, Lead $< 1,5$ mg/L, Mercury $< 0,06$ mg/L, Selenium $< 1,0$ mg/L - Điện trở phân cực – ăn mòn điện hóa điện cực của vật liệu: Đổi với điện cực bằng thép mạ đồng: + $R_p > 42m^2$ với môi trường không ăn mòn + $R_p > 82m^2$ với môi trường ăn mòn Điện trở suất đo theo ASTM G187-12: $\leq 22.cm$ (ở dạng bột nén) Điện trở suất đo theo ASTM D991-89: $\leq 202.cm$ (ở dạng pha trộn và đã thành hình) - Thời gian hóa chất định hình (kết đông): ≤ 3 ngày - Thời gian hóa chất đạt độ ổn định: ≤ 28 ngày - Tác hại với môi trường: Đáp ứng QCVN 07:2009/BTNMT về chất thải nguy hại. - Đáp ứng yêu cầu của EPA (Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ)	Bao	6	
4	Cáp đồng trần 50mm2	m	50	

5	Cáp đồng tiếp đất PVC 35mm ²	m	20	
6	Hộp kiểm tra tiếp đất (bao gồm: Bảng đồng 4 ngõ)	Cái	1	
7	Gia công khoan tiếp đất sâu 20m để thả cọc tiếp đất	Cái	2	
5	Cáp đồng PVC 95mm ² (đầu nối tủ bù)	m	20	
5	Cáp đồng PVC 16mm ² (đầu nối 02 bộ cắt sét 3 pha)	m	35	
IV	Triển khai			
1	Chi phí vận chuyển tới chân công trình	Gói	1	
2	Thi công mương rãnh đi dây tiếp địa: Đào rãnh, rải cáp đồng trần, đóng cọc, hàn cadweld, rải hóa chất Gem, ...	Lô	1	
3	Hoàn trả mặt bằng, vệ sinh nơi thi công	Gói`	1	
4	Đo kiểm điện trở tiếp đất (do Đơn vị có chức năng cấp)	Hệ thống	1	
5	Phụ kiện vật tư phụ	Gói	1	
6	Thi công đo kiểm đầu nối hoà tủ bù vào hệ thống điện	Gói	1	
7	Thi công đo kiểm đầu nối hoà thiết chống sét vào hệ thống điện	Bộ	2	
B.	Trang bị hệ thống chống sét lan truyền cho phòng Máy chủ			
I	Thiết bị			

1	Thiết bị cắt lọc sét 3 pha, 63A/pha, điện áp 220/380 - 240/415Vac, tần số 50/60Hz, sử dụng công nghệ TD (Transient Discriminating) có khả năng phân biệt xung sét và xung quá áp thông thường có tần số lưới điện 50/60Hz và mạch lọc thông thấp (LC), khả năng chịu dòng sét 100kA/pha (8/20μs). Cờ báo trạng thái và 03 tầng bảo vệ: - Tầng 1 (bảo vệ sơ cấp): Công nghệ TD, khả năng chịu dòng xung sét tối đa 100kA (8/20 μs) cho L-N và N-E - Tầng 2 (bộ lọc): Mạch lọc thông thấp LC (bao gồm cuộn dây và tụ điện loại X2) - Tầng 3 (bảo vệ thứ cấp): Công nghệ TD , khả năng chịu dòng xung sét tối đa 50kA (8/20 μs) cho L-N - Thời gian đáp ứng $\leq 25\text{ns}$ - Có công tác cảnh báo từ xa - Chứng nhận : Được cấp chứng nhận UL 1449 5th Edition cho Module cắt sét sơ cấp và thứ cấp - Đáp ứng tiêu chuẩn: IEC 61643 – 11 Class II, EN 61643-11 Type 2	Cái	1	
2	Thiết bị chống sét cho đường tín hiệu mạng LAN - Chế độ bảo vệ: L-L. L-G - Điện áp danh định, Un: 48VDC - Điện áp vận hành liên tục cực đại, Uc: 60VDC - Dòng tải làm việc cho phép (A): 1,5A - Tốc độ đường truyền: 1Gb (CAT 6) - Cổng giao tiếp: RJ45 - Môi trường làm việc: Nhiệt độ: 0 °C ÷ 65 °C; Độ ẩm: 0 % ÷ 95 % - Áp dụng cho đường truyền dữ liệu: CAT6 và POE	Cái	32	
II	Hệ thống tiếp đất và cáp điện đấu nối			

1	Cọc tiếp đất Vật liệu: Thép carbon mạ đồng - Công nghệ mạ đồng: + Công nghệ mạ đồng điện phân. + Độ tinh khiết của đồng mạ: $\geq 99,9\%$. + Lớp đồng mạ được liên kết phân tử với lõi thép có lớp nikel bao bọc. - Lớp đồng mạ không bị rạn nứt khi bẻ cong cọc - Chiều dài: $\geq 2,4$ m - Chiều dày lớp đồng mạ: $\geq 0,254$ mm (0,01 inch) - Đường kính thực của thân cọc: $\geq 14,2$ mm - Ứng lực: ≥ 552 MPa - Trọng lượng: $\geq 3,07$ kg/cọc - Có chứng nhận UL467	Cọc	3	
2	Thuốc hàn hóa nhiệt CADWELD 115g - Thành phần chính: Oxit đồng và nhôm - Khả năng chịu nhiệt: ≥ 1082 OC - Kiểm nghiệm đáp ứng tiêu chuẩn IEEE Std.837 - Không gây nổ - Chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn UL467	Lọ	7	

3	Hoá chất giảm điện trở đất (11.34kg/bao) - Hình dạng, màu sắc: Dạng bột, xám - Công nghệ: Cacbon - Không bị rửa trôi, bị phân hủy trong môi trường tự nhiên - Hàm lượng lưu huỳnh theo ISO14869-1: <2% - Thành phần hóa học rò rỉ ra: Arsenic < 1,5 mg/L, Barium < 60 mg/L, Cadmium < 0,15 mg/L, Chromium <3,0 mg/L, Lead < 1,5 mg/L, Mercury < 0,06 mg/L, Selenium < 1,0 mg/L - Điện trở phân cực – ăn mòn điện hóa điện cực của vật liệu: Đối với điện cực bằng thép mạ đồng: + Rp > 42m2 với môi trường không ăn mòn + Rp > 82m2 với môi trường ăn mòn - Điện trở suất đo theo ASTM G187-12: ≤22.cm (ở dạng bột nén) - Điện trở suất đo theo ASTM D991-89: ≤202.cm (ở dạng pha trộn và đã thành hình) - Thời gian hóa chất định hình (kết đông): ≤ 3 ngày - Thời gian hóa chất đạt độ ổn định: ≤ 28 ngày - Tác hại với môi trường: Đáp ứng QCVN 07:2009/BTNMT về chất thải nguy hại. - Đáp ứng yêu cầu của EPA (Cơ quan bảo vệ môi trường của Mỹ)	Bao	9	
4	Cáp đồng trần 50mm2	m	70	
5	Cáp đồng tiếp đất PVC 35mm2	m	25	
6	Hộp kiểm tra tiếp đất (loại chôn đất chịu được 5000kg)	Cái	1	
7	Bảng đồng 4 ngõ	Cái	1	
8	Gia công khoan tiếp đất sâu 20m để thả cọc tiếp đất	Cái	3	
9	Cáp đồng PVC 16mm2 (đầu nối TB cắt lọc sét 3 pha)	m	15	
III	Triển khai			
1	Chi phí vận chuyển tới chân công trình	Gói	1	
2	Thi công mương rãnh đi dây tiếp địa: Đào rãnh, rải cáp đồng trần, đóng cọc, hàn cadweld, rải hóa chất Gem, ...	Lô	1	
3	Hoàn trả mặt bằng, vệ sinh nơi thi công	Gói	1	
4	Đo kiểm điện trở tiếp đất (do Đơn vị có chức năng cấp)	Hệ thống	1	

5	Phụ kiện vật tư phụ	Gói	1	
6	Thi công đo kiểm đầu nối hoà thiết chống sét vào hệ thống	Bộ	1	